

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2026
V/v ly hôn Đợi – Tuấn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tân

Ông Huỳnh Văn Sức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2026/TLST - HNGĐ ngày 13/01/2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988.

CCCD số: 087188019272.

Trú tại: tổ A, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Khu dân cư T, nhà trọ H, đường số A, ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

CCCD số: 089083033219

Trú tại: tổ A, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

(bà Đ xin vắng mặt và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Hôn nhân của bà Đ, ông T do mai mối rồi thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang số 50/2019 ngày 29/7/2019(nay là UBND xã P). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do ông T có lối sống không chung thủy, bà Đ nhiều lần bắt gặp ông T nhắn tin với người phụ nữ khác, vì thế vợ chồng hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông T tỏ thái độ bực dọc, không hối hận, ông T không chăm lo cuộc sống vợ chồng, tiền kiếm được tự lo cho bản thân, bà Đ nghĩ mang thai ba người con ông T sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm, ông T sẽ cố gắng làm vì vợ vì con nhưng ông T không thay đổi, sự việc kéo dài trong nhiều năm đến năm 2023 bà Đ bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân có những lúc say rượu ông T điện thoại năn nỉ để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông T không thay đổi về tính cách, trước khi nộp đơn ly hôn bà Đ có gặp ông T để thỏa thuận việc nuôi con nhưng ông T cương quyết giành nuôi con, nay ly hôn bà Đ đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà Đ không cấp dưỡng.

Về con chung: Có ba người con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/7/2019, Nguyễn Duy E, sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn An D, sinh ngày 18/6/2006(An Duy hiện đã trưởng thành và lao động được), các con chung đang chung sống với ông T, khi ly hôn bà Đ đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà Đ không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến yêu cầu nào khác. Ngày 06/3/2026 bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày

Tài liệu do Toà án thu thập được: Bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn T, bà Đ là con dâu của bà, bà có nhận được thông báo của Toà án về việc con dâu của bà xin ly hôn với T và có thông tin cho T hay nhưng hiện tại con đi làm xa không thường xuyên ở nhà, T hiện chung sống với bà tại ấp P, xã P. Mâu thuẫn vợ chồng con như thế nào bà không biết chỉ biết là vợ chồng con đã sống ly thân với nhau hơn 02 năm nay, các con chung hiện do T đang nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung của T, Đ thì bà không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Đ đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải

quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ1 là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn T. Khi ly hôn bà Đ đồng ý giao ba người con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/7/2019, Nguyễn Duy E, sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn An D, sinh ngày 18/6/2006(hiện đã trưởng thành và lao động được) cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con, ông T vắng mặt không ý kiến về con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Đ yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án: bà Đ và ông T sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, được sự chấp thuận của gia đình nên cả hai đi đến hôn nhân năm 2005 có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 29 tháng 7 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông T, bà Đ chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc do ông T không chí thú làm ăn, lại có lối sống không chung thủy, đi làm thu nhập hết bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm khoản 2023 bà Đ bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống ,vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà Đ xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp*

đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”. Thế nhưng vợ chồng ông T, bà Đ không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/7/2019, Nguyễn Duy E, sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn An D, sinh ngày 18/6/2006 (An Duy hiện đã trưởng thành và lao động được), con chung đang sống chung ông T, khi ly hôn bà Đ đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T vắng mặt không ý kiến về con chung, vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà Đ trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ2 a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/7/2019, Nguyễn Duy E, sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn An D, sinh ngày 18/6/2006 (An Duy hiện đã trưởng thành và lao động được) Giao con chung Thành T1 và Duy E cho ông Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung đang sống chung ông T, bà Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 217 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Đ không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T, bà Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là UBND xã Phú An, tỉnh An Giang);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

